

BẢNG ĐIỂM KỶ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 10/5/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB6979	Bùi Vũ Quỳnh	Ái	26/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	6.67	Đạt	
2	BKCB6980	Lâm Thúy	An	11/10/2004	Vĩnh Long	9.33	6.83	Đạt	
3	BKCB6981	Vũ Thị Thu	An	02/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	6.67	Đạt	
4	BKCB6982	Đào Lan	Anh	14/11/2000	Bắc Giang	8.67	7.17	Đạt	
5	BKCB6983	Lê Thị Ngọc	Anh	20/11/2005	Hà Nội	10.0	8.0	Đạt	
6	BKCB6984	Lê Thị Tú	Anh	21/08/2005	Vĩnh Long	8.67	9.0	Đạt	
7	BKCB6985	Lê Tú	Anh	06/03/2005	Tiền Giang	9.0	9.0	Đạt	
8	BKCB6986	Phạm Ngọc Kiều	Anh	11/01/2007	Đồng Nai	9.67	8.5	Đạt	
9	BKCB6987	Phạm Ngọc Quỳnh	Anh	05/11/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.0	Đạt	
10	BKCB6988	Trịnh Trọng	Anh	20/10/2005	Thanh Hóa	9.67	9.0	Đạt	
11	BKCB6989	Nguyễn Lê Quốc	Bảo	28/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.33	Đạt	
12	BKCB6990	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	17/06/2004	Tây Ninh	8.33	9.0	Đạt	
13	BKCB6991	Ngô Trường	Chi	10/03/1985	Tây Ninh	9.0	9.17	Đạt	
14	BKCB6992	Nguyễn Thị Anh	Đào	21/06/2007	Gia Lai	10.0	8.67	Đạt	
15	BKCB6993	Đặng Tuấn	Đạt	07/10/2006	Quảng Ngãi	8.33	7.5	Đạt	
16	BKCB6994	Nguyễn Quang	Đạt	10/02/2007	Đồng Nai	6.0	6.83	Đạt	
17	BKCB6995	Võ Hoàng	Đạt	22/05/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	6.5	Đạt	
18	BKCB6996	Trần Ngọc	Đầy	17/02/2004	Cà Mau	9.67	8.67	Đạt	
19	BKCB6997	Nguyễn Thị Thu	Đoan	01/12/2000	Sóc Trăng	9.0	7.83	Đạt	
20	BKCB6998	Ngô Thanh	Duẩn	08/08/2001	Quảng Ngãi	8.67	7.67	Đạt	
21	BKCB6999	Nguyễn Đức	Dũng	20/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.83	Đạt	
22	BKCB7000	Nguyễn Quốc	Dũng	05/11/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.0	Đạt	
23	BKCB7001	Phan Mạnh	Dũng	10/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.67	Đạt	
24	BKCB7002	Ngô Thụy Nhật	Dương	21/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.17	Đạt	
25	BKCB7003	Tào Nguyễn Hoàng	Duyên	08/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	7.83	Đạt	
26	BKCB7004	Tô Hồng	Gám	10/02/1995	Cà Mau	9.0	8.17	Đạt	
27	BKCB7005	Trần Hoàng	Giang	17/04/2006	Đắk Lắk	9.0	7.5	Đạt	
28	BKCB7006	Nguyễn Hồng	Hạnh	02/07/2003	Kiên Giang	9.0	9.0	Đạt	
29	BKCB7007	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	16/06/2004	Hà Tĩnh	4.33	0.0	Không đạt	
30	BKCB7008	Ngô Đình	Hậu	20/04/2004	Đà Nẵng	9.67	8.67	Đạt	
31	BKCB7009	Trần Thị	Huệ	02/01/2002	Lâm Đồng	8.33	6.17	Đạt	
32	BKCB7010	Trần Thị Mai	Hương	18/08/1996	Tây Ninh	9.33	8.67	Đạt	
33	BKCB7011	Huỳnh Anh	Huy	12/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.0	Đạt	
34	BKCB7012	Nguyễn Gia	Huy	26/10/2001	Thanh Hóa	8.0	8.67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
35	BKCB7013	Bùi Thị Như	Huyền	17/05/2004	Bình Định	8.67	8.0	Đạt	
36	BKCB7014	Nguyễn Phan Thanh	Huyền	20/10/2007	Khánh Hòa	9.0	8.0	Đạt	
37	BKCB7015	Trần Thị	Huyền	02/04/2004	Hải Dương	8.33	9.33	Đạt	
38	BKCB7016	Huỳnh Bảo	Khanh	22/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	8.83	Đạt	
39	BKCB7017	Nguyễn Đình Bảo	Khanh	11/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	5.33	Đạt	
40	BKCB7018	Trần Hoàng	Khánh	14/01/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	6.83	Đạt	
41	BKCB7019	Võ Văn	Khôi	07/06/2007	Quảng Ngãi	9.67	8.67	Đạt	
42	BKCB7020	Nguyễn Thị Hồng	Khuyên	13/03/2001	Lâm Đồng	10.0	9.0	Đạt	
43	BKCB7021	Nguyễn Duy	Kiệt	21/09/2002	Lâm Đồng	6.67	7.17	Đạt	
44	BKCB7022	Lưu Thiên	Kim	04/07/2007	Đà Nẵng	8.0	8.0	Đạt	
45	BKCB7023	Phạm Gia	Lâm	19/07/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	7.67	Đạt	
46	BKCB7024	Lê Đoàn Khánh	Linh	07/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.17	Đạt	
47	BKCB7025	Trương Khánh	Linh	16/08/2004	Đồng Nai				Vắng
48	BKCB7026	Nguyễn Thị	Loan	10/04/1975	Nghệ An				Vắng
49	BKCB7027	Nguyễn Nhật	Long	23/04/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	7.83	Đạt	
50	BKCB7028	Đình Quang	Minh	18/02/2000	Khánh Hòa	9.0	7.17	Đạt	
51	BKCB7029	Nguyễn Đức	Minh	11/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.0	Đạt	
52	BKCB7030	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	30/04/2002	Đắk Lắk	9.67	9.33	Đạt	
53	BKCB7031	Phan Ngọc	Minh	26/12/2003	Gia Lai	9.33	7.33	Đạt	
54	BKCB7032	Nguyễn Huỳnh Kiều	My	26/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	8.83	Đạt	
55	BKCB7033	Nguyễn Phú	Nam	24/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	6.83	Đạt	
56	BKCB7034	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	10/10/2001	Bình Định	9.67	9.33	Đạt	
57	BKCB7035	Phan Hồng	Ngân	30/10/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.67	Đạt	
58	BKCB7036	Trần Kim	Ngân	21/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.17	Đạt	
59	BKCB7037	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	02/06/2007	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
60	BKCB7038	Diệp Thái	Nghi	24/12/2001	Gia Lai	10.0	8.67	Đạt	
61	BKCB7039	Bùi Thị Diệu	Ngọc	22/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.33	Đạt	
62	BKCB7040	Dương Thuý	Ngọc	03/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.33	7.5	Đạt	
63	BKCB7041	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc	08/10/2002	Đồng Tháp	8.67	7.33	Đạt	
64	BKCB7042	Đoàn Trọng Hồ	Nguyên	03/02/1997	Khánh Hòa	7.0	6.83	Đạt	
65	BKCB7043	Nguyễn Khôi	Nguyên	18/03/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	7.67	Đạt	
66	BKCB7044	Quách Văn	Nguyên	19/02/2000	Cà Mau	7.67	8.33	Đạt	
67	BKCB7045	Nguyễn Trọng	Nhân	01/05/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	9.33	Đạt	
68	BKCB7046	Lâm Ngọc Tuyết	Nhi	10/10/2004	Bình Thuận	7.67	7.83	Đạt	
69	BKCB7047	Nguyễn Huyền	Nhi	26/07/2004	Khánh Hòa	7.0	7.5	Đạt	
70	BKCB7048	Nguyễn Phi	Nhi	04/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	5.33	7.33	Đạt	
71	BKCB7049	Phạm Thị Yến	Nhi	16/10/2004	Đà Nẵng	7.25	5.83	Đạt	
72	BKCB7050	Trịnh Nguyễn Ngọc	Nhi	31/12/2004	Bạc Liêu	9.0	6.67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
73	BKCB7051	Lê Quỳnh	Như	31/10/2000	Vĩnh Long	10.0	9.5	Đạt	
74	BKCB7052	Lê Thị Quỳnh	Như	16/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.67	Đạt	
75	BKCB7053	Trần Ánh	Như	31/05/2004	Tây Ninh	9.0	9.5	Đạt	
76	BKCB7054	Trần Phạm Long	Phi	13/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.33	Đạt	
77	BKCB7055	Hương Thành	Phụng	14/01/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.17	Đạt	
78	BKCB7056	Trần Đăng Minh	Phụng	01/10/2003	Thành phố Huế	9.67	9.67	Đạt	
79	BKCB7057	Ngô Uyên	Phương	13/12/2003	Đà Nẵng	9.33	9.67	Đạt	
80	BKCB7058	Nguyễn Huy Ngọc	Phương	02/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.83	Đạt	
81	BKCB7059	Trương Bùi Hoài	Phương	02/01/2004	Long An	6.33	7.83	Đạt	
82	BKCB7060	Phạm Thị Minh	Phượng	08/10/2004	Lâm Đồng	4.0	0.0	Không đạt	Không TH
83	BKCB7061	Nguyễn Nhật	Quang	22/09/1992	Đắk Lắk	9.0	8.67	Đạt	
84	BKCB7062	Vũ Thị	Quyên	15/09/1985	Ninh Bình	9.67	5.17	Đạt	
85	BKCB7063	Phạm Lê Minh	Quyên	15/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.17	Đạt	
86	BKCB7064	Hồ Sỹ	Quyết	02/09/2000	Đồng Nai	8.67	6.5	Đạt	
87	BKCB7065	Trương Minh	Sang	15/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	7.0	Đạt	
88	BKCB7066	Nguyễn Quốc	Sỹ	10/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.67	Đạt	
89	BKCB7067	Nguyễn Ngọc Thành	Tân	23/09/2000	An Giang	8.0	7.33	Đạt	
90	BKCB7068	Vũ Thị	Thắm	26/04/2003	Lâm Đồng	9.0	7.0	Đạt	
91	BKCB7069	Nguyễn Hữu	Thắng	03/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	6.0	Đạt	
92	BKCB7070	Bùi Thị Châu	Thảo	29/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
93	BKCB7071	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo	23/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	5.33	Đạt	
94	BKCB7072	Nguyễn Vy	Thảo	05/04/2003	Gia Lai	9.67	7.83	Đạt	
95	BKCB7073	Phạm Trọng	Thảo	06/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	7.17	Đạt	
96	BKCB7074	Nguyễn Thị	Thêm	12/09/1988	Bắc Ninh	7.0	7.67	Đạt	
97	BKCB7075	Lê Văn	Thiện	16/08/2003	Tây Ninh	9.0	8.67	Đạt	
98	BKCB7076	Chu Phạm Anh	Thư	23/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	9.0	Đạt	
99	BKCB7077	Phạm Trần Minh	Thư	27/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	6.67	Đạt	
100	BKCB7078	Nguyễn Đoàn Kim	Thuận	24/11/2000	Gia Lai				Vắng
101	BKCB7079	Ngô Trần Anh	Thương	08/03/2004	Quảng Ngãi	8.33	7.5	Đạt	
102	BKCB7080	Phạm Thị Kim	Thuy	29/02/2004	Long An	7.33	6.33	Đạt	
103	BKCB7081	Hồ Thị Ngọc	Thuy	22/11/2005	Đồng Nai	9.67	9.33	Đạt	
104	BKCB7082	Mai Chí	Tín	09/10/1991	Gia Lai	9.33	9.0	Đạt	
105	BKCB7083	Phan Nguyên	Tín	01/01/2006	Lâm Đồng	10.0	8.5	Đạt	
106	BKCB7084	Ngô Gia Bảo	Toàn	22/01/2004	Tây Ninh	9.33	9.0	Đạt	
107	BKCB7085	Lê Thị Phương	Trâm	14/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.33	Đạt	
108	BKCB7086	Nguyễn Minh	Trí	03/04/1998	Long An	10.0	8.17	Đạt	
109	BKCB7087	Nguyễn Lê Phương	Trinh	29/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.33	Đạt	
110	BKCB7088	Trần Thị Tú	Trinh	28/02/1995	Gia Lai	7.67	6.67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
111	BKCB7089	Trần Thùy	Trinh	01/04/2001	Đồng Nai	5.0	5.0	Đạt	
112	BKCB7090	Trần Minh	Trường	28/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.33	Đạt	
113	BKCB7091	Nguyễn Công Anh	Tuấn	26/04/1992	Khánh Hòa	8.33	9.67	Đạt	
114	BKCB7092	Phạm Liêu Thanh	Tùng	23/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	6.17	Đạt	
115	BKCB7093	Đặng Ngọc	Tuyền	01/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.67	Đạt	
116	BKCB7094	Trần Kim Ngọc	Tuyền	09/08/2004	Tây Ninh	7.33	7.0	Đạt	
117	BKCB7095	Trần Ngọc	Tuyết	25/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.83	Đạt	
118	BKCB7096	Lê Nguyễn Phương	Uyên	30/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	7.5	Đạt	
119	BKCB7097	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	24/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.0	Đạt	
120	BKCB7098	Võ Quốc	Việt	01/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.83	Đạt	
121	BKCB7099	Nguyễn Hà Khánh	Vy	05/10/2003	Đồng Nai	5.67	6.33	Đạt	
122	BKCB7100	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	05/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	7.0	Đạt	
123	BKCB7101	Nguyễn Xuân Ánh	Vy	12/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.0	Đạt	
124	BKCB7102	Tô Phương Thảo	Vy	10/10/2003	Bến Tre	9.0	8.5	Đạt	
125	BKCB7103	Trương Thị Triệu	Vy	09/06/2003	Đồng Tháp	10.0	9.67	Đạt	
126	BKCB7104	Võ Thị Kim	Xuyến	15/02/2003	Tây Ninh	10.0	9.0	Đạt	
127	BKCB7105	Phan Thị Kim	Yên	08/03/2003	Đồng Tháp	9.0	8.5	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh: **127**

Số thí sinh đạt: **120**

Số lượng hiện diện: **122**

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam